

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 25 - 4 - 2025.

“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân, kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2024/TB – TA ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Ch, sinh năm 197x; Địa chỉ: Thôn H, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ (Phạm Quang Đ), sinh năm 196x; Địa chỉ: Thôn H, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Bà Ch có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Đ có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Đào Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Ch và ông Phạm Văn Đ (Phạm Quang Đ) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

HK, huyện TL (nay là TK), tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) vào ngày 22/8/1989. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi vã, xô xát nhau. Ông Đ không chung thủy, thường xuyên uống rượu và nhiều lần say rượu, ông Đ Đ h, dùng những lời lẽ xúc phạm bà. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn, bà về nhà bố mẹ để ở, sau này thì bà về ở nhà con trai. Ông Đ nhiều lần xin lỗi, hứa sẽ sửa đổi. Vì nghĩ cho các con, muốn các con có một gia đình có đủ cả bố mẹ nên bà lại quay về sống cùng ông Đ. Tuy nhiên, ông Đ vẫn không thay đổi và vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Từ năm 2021, bà và ông Đ sống chung một nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, không quan tâm nhau, sống ly thân. Từ tháng 01/2025 đến nay bà dọn ra sống cùng với vợ chồng con trai. Nay bà Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Ch đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ.

Về con chung: Bà Ch và ông Đ có hai con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 06/7/1990 và Phạm Thị L1, sinh ngày 07/8/1992. Hiện cả hai con đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng ổn định nên bà Ch không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Đào Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2025, ông Phạm Văn Đ (Phạm Quang Đ) trình bày: Ông và bà Đào Thị Ch tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK, huyện TL (nay là huyện TK), tỉnh Hải Dương vào ngày 22/8/1989. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa phương. Trong thời gian chung sống, vợ chồng cũng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Bà Ch nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác, ông giải thích nhưng bà không nghe, bà Ch thường xuyên bỏ ra nhà con trai ở hoặc thuê nhà trọ bên ngoài sống riêng. Nhiều lần ông tìm, thuyết phục bà Ch mới về nhà. Tháng 01/2025, vợ chồng mâu thuẫn, bà Ch ra nhà con trai sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng đã có tuổi, con chung đều đã trưởng thành nên ông Đ không đồng ý ly hôn với bà Ch.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Văn Long, sinh ngày 06/7/1990 và Phạm Thị Loan, sinh ngày 07/8/1992. Hiện cả hai con đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả làm việc với anh Phạm Văn L thể hiện: Anh L là con ruột của bà Ch và ông Đ. Trong quá trình chung sống, anh nhận thấy giữa bà Ch và ông Đ có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và bố mẹ anh thường xảy ra cãi vã. Nhiều lần bà Ch bỏ ra ngoài thuê nhà trọ sống hoặc dọn sang nhà anh để ở. Sau khi được gia đình động viên thì bà lại trở về chung sống nhưng giữa bà và ông Đ

lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Từ đầu năm 2025, bà Ch ra ở với gia đình anh cho đến nay. Nay bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ, việc này là do bố mẹ anh quyết định, anh không có ý kiến gì. Ngoài anh, bà Ch và ông Đ còn có một người con chung là chị Phạm Thị L1, sinh năm 1982, đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã HK và các đoàn thể xã, trưởng thôn H thể hiện: Bà Ch và ông Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hà Kỳ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa phương. Theo địa phương được biết cuộc sống vợ chồng giữa bà Ch và ông Đ có phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, nhiều lần có cãi vã nhau. Nhiều lần bà Ch bỏ đi ra sống riêng sau đó lại về nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được. Tháng 01/2025, bà Ch dọn ra sống cùng với con trai là anh Phạm Văn L cho đến nay. Bà Ch làm đơn đề nghị ly hôn với ông Đ, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Ch và ông Đ có hai con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 06/7/1990 và Phạm Thị L1, sinh ngày 07/8/1992. Hiện cả hai con đều đã trưởng thành có gia đình và cuộc sống riêng.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, bà Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Ch vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ. Ông Đ có mặt tại phiên tòa và có ý kiến thống nhất ly hôn với bà Ch, giữ nguyên quan điểm đã trình bày về con chung và tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch, xử cho bà Ch được ly hôn với ông Đ; Bà Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đào Thị Ch có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Đào Thị Ch và ông Phạm Văn Đ (Phạm Quang Đ) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã HK, huyện TL, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện TK, tỉnh Hải Dương) cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 22/8/1989 nên hôn nhân giữa bà Ch và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà Ch yêu cầu ly hôn với ông Đ . Xét yêu cầu của bà Ch, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của bà Ch, ông Đ , kết quả làm việc với địa phương xác định cuộc sống vợ chồng giữa bà Ch và ông Đ có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, vợ chồng không tin tưởng nhau. Trong thời gian chung sống, bà Ch nhiều lần bỏ ra ngoài ở riêng. Từ tháng 01/2025, bà Ch và ông Đ không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm nhau. Tại phiên tòa, bà Ch vắng mặt, vẫn giữ quan điểm đề nghị được ly hôn với ông Đ . Ông Đ có mặt, xác định cuộc sống vợ chồng giữa ông và Ch không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân hơn hai năm, mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được nên ông Đ cũng nhất trí ly hôn với bà Ch. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa bà Ch và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Ch, xử cho bà Ch được ly hôn với ông Đ .

[3] Về con chung: Bà Ch và ông Đ có hai con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 06/7/1990 và Phạm Thị L1, sinh ngày 07/8/1992. Hiện nay con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà Ch, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đào Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228,; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đào Thị Ch được ly hôn với ông Phạm Văn Đ (Phạm Quang Đ).

[2] Về án phí: Bà Đào Thị Ch phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh

Hải Dương, theo biên lai số: 0002152 ngày 13 tháng 02 năm 2025. Bà Ch đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đào Thị Ch có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Hà Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như